

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2022/DS-ST  
Ngày: 31/8/2022  
V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua  
bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Phan Anh Kiệt.

2/. Bà Trần Thị Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tiêu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 352/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2022/QĐST-DS ngày 22/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1951 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

- Ông Võ Văn U, sinh năm 1978 (xin vắng mặt);

- Bà Võ Thị Tuấn U1, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:*

Tôi là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp, trước đây vào khoảng năm 2015 vợ chồng ông Võ Văn U và bà Võ Thị Tuấn U1 có mua phân bón và nợ tôi số tiền 45.223.000 đồng. Ông Võ Văn U và bà Võ Thị Tuấn U1 có viết biên nhận nợ và ký tên vào biên bản và cam kết thời hạn trả nợ cho tôi. Sau đó vợ chồng ông U có trả cho tôi

được 10.000.000 đồng. Số tiền còn nợ tôi là 35.223.000 đồng. Ngày 20/5/2016 ông U đại diện ký tên vào “Giấy nhận nợ” và hứa sẽ trả tôi vào năm 2017. Từ năm 2018 đến nay, tôi đã liên hệ đòi nhiều lần nhưng ông U, bà Tuấn U1 không trả số tiền còn lại cho tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn U và bà Võ Thị Tuấn U1 trả cho tôi số tiền 35.223.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Tại bản tự khai ngày 22/8/2022, bị đơn ông Võ Văn U trình bày:* Ông thừa nhận vợ chồng ông có mua phân bón và thuốc có nợ bà T số tiền 45.223.000 đồng, vợ chồng ông đã trả cho bà T được 10.000.000 đồng, hiện nay còn nợ bà T 35.223.000 đồng, ông U đồng ý trả nợ và có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn bà Võ Thị Tuấn U1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị Tuấn U1 đã được Tòa án triệu tập đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Ông Võ Văn U và bà Phạm Thị T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông U, bà Tuấn U1 và bà Tầm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Phạm Thị T khởi kiện ông Võ Văn U và bà Võ Thị Tuấn U1 tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông U và bà Tuấn U1 có nơi cư trú tại xã P, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng năm 2015 vợ chồng ông Võ Văn U và bà Võ Thị Tuấn U1 có mua phân bón và nợ bà T số tiền 45.223.000 đồng. Ông U và bà Tuấn U1 đã trả được 10.000.000 đồng, hiện nay còn nợ bà T 35.223.000 đồng. Việc mua bán giữa hai bên không có lập hợp đồng bằng văn bản. Tuy nhiên, ông U và bà Tuấn U1 có làm giấy viết tay thừa nhận có mua phân bón và nợ bà T số tiền 45.223.000 đồng, hứa đến rằm tháng bảy sẽ trả tiền. Ngày 20/5/2016, ông U có viết “Giấy nhận nợ” thể hiện còn nợ bà T số tiền 35.223.000 đồng, ông hẹn đến năm 2017 trả cho bà T và tại bản tự khai ngày 22/8/2022 ông U cũng thừa nhận còn nợ bà T số tiền 35.223.000 đồng và đồng ý trả nợ cho bà Tầm. Như vậy có đủ căn cứ xác định ông U và bà Tuấn U1 có mua phân bón của bà T và

còn nợ bà T35.223.000 đồng đồng. Bà T đã liên hệ đòi tiền nhiều lần nhưng đến nay ông U và bà Tuấn U1 vẫn chưa thanh toán tiền cho bà T. Tại bản tự khai ngày 22/8/2022 ông U thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ cho bà T. Đối với bà Tuấn Út, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì xem như bà Tuấn U1 từ bỏ nghĩa vụ chứng minh và mặc nhiên thừa nhận nợ của bà T. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông U và bà Tuấn U1 có trách nhiệm trả cho bà T số tiền mua phân bón còn thiếu 35.223.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 430, Điều 431 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T.

Buộc ông Võ Văn U và bà Võ Thị Tuấn U1 có trách nhiệm trả bà Phạm Thị T số tiền 35.223.000 đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Ông Võ Văn U và bà Võ Thị Tuấn U1 phải chịu 1.761.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại bà Phạm Thị T 880.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016387 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Võ Văn U, bà Võ Thị Tuấn U1 và bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Giang**